

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2016

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/4/2016 đến ngày 31/3/2017 (gọi là “năm 2016”).

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/7/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/02/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 4.500.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Mạnh Khiêm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đình Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thị Hương Bưởi	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Phú	Thành viên
Bà Vũ Thị Trinh	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/3/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 30.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Đình Chiến
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Số: 60 /2017/AEA-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 5 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/3/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc tại ngày 31/3/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Vụ

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0638-2013-43-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Hữu Đông

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0140-2013-43-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/3/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/3/2017	01/4/2016
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.158.062.873	6.758.185.663
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.757.726.810	2.061.492.423
1. Tiền	111		257.726.810	486.492.423
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	1.575.000.000
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.391.348.063	3.948.412.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.172.990.000	3.558.930.340
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.000.000	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	1.600.000.000	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	614.358.063	389.482.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV/ Hàng tồn kho	140		8.988.000	732.738.482
1. Hàng tồn kho	141	V.05	8.988.000	732.738.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		-	15.542.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	15.542.418
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		784.816.442	976.224.611
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		762.459.547	971.350.338
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	762.459.547	971.350.338
- Nguyên giá	222		2.542.296.645	3.400.869.373
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.779.837.098)	(2.429.519.035)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		22.356.895	4.874.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	22.356.895	4.874.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.942.879.315	7.734.410.274

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2017

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/3/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/3/2017	01/4/2016
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		527.526.171	679.212.020
I/ Nợ ngắn hạn	310		527.526.171	679.212.020
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	45.972.000	30.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	246.149.896	107.105.303
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	200.000.000	506.702.442
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		35.404.275	35.404.275
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.415.353.144	7.055.198.254
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.11	6.415.353.144	7.055.198.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.500.000.000	4.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.500.000.000	4.500.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		529.618.720	529.618.720
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.385.734.424	2.025.579.534
- LNST chưa phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.350.579.534	1.401.321.052
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.154.890	624.258.482
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.942.879.315	7.734.410.274



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	15.205.158.482	62.316.270.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.205.158.482	62.316.270.870
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	13.343.657.981	59.472.934.664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.861.500.501	2.843.336.206
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	130.368.609	161.446.079
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	29.135.400	166.667
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.135.400</i>	<i>166.667</i>
8. Chi phí bán hàng	24		14.520.000	77.224.368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	2.100.491.519	2.107.662.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(152.277.809)	819.728.650
11. Thu nhập khác	31		465.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.05	268.428.578	12.049.865
13. Lợi nhuận khác	40		196.571.422	(12.049.865)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.293.613	807.678.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	9.138.723	183.420.303
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.154.890	624.258.482
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	78	1.387
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến
Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	17.438.196.680	64.203.249.832
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(7.814.045.879)	(61.822.425.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.300.728.946)	(3.146.761.900)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(27.748.000)	(166.667)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(103.436.106)	(202.122.305)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.120.756.350	5.109.940.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.496.448.321)	(6.716.214.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.816.545.778	(2.574.499.772)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	(1.600.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24	-	60.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.368.609	161.446.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.469.631.391)	(78.553.921)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	500.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	(500.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.900.000.000	200.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.900.000.000)	(200.000.000)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(650.680.000)	(808.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(650.680.000)	(808.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(303.765.613)	(3.461.073.693)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.061.492.423	5.522.566.116
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.757.726.810	2.061.492.423



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Kế toán trưởng
Trần Thị Hà

Người lập biểu
Trần Thị Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc (gọi tắt là 'Công ty') thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103008571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/7/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/02/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh là : 4.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực bông, vải, vật tư nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của công ty như sau:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, vải, vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), thiết bị phục vụ cho sản xuất, chế biến bông và các sản phẩm của bông sau thu hoạch.
- Sản xuất, kinh doanh giống bông và các loại cây trồng khác.
- Kinh doanh các sản phẩm ngành dệt may, các mặt hàng nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm và tiêu dùng.
- Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: từ 01/4 đến 31/3 dương lịch

Khả năng so sánh thông tin:

Khả năng so sánh thông tin là đáp ứng được.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/04 kết thúc vào ngày 31/3 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán máy trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng lựa chọn áp dụng tỷ giá trong kế toán: Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, Công ty áp dụng theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại nơi phát sinh giao. Đối với việc đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, Công ty áp dụng theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản.

Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ tại thời điểm ghi nhận và đánh giá lại của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ tại thời điểm ghi nhận hoặc đánh giá lại nợ phải trả của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng, phải thu khác. Nợ phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi giá trị dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, theo nguyên tệ, và theo kỳ hạn. Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch thương xuyên. Công ty không đánh giá lại đối với các khoản công nợ người mua trả tiền trước là ngoại tệ.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập về sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 02-Hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến việc hình thành tài sản cố định và đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý hay sử dụng để đầu tư, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản

Nhà cửa vật kiến trúc
Máy móc thiết bị
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn
Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm khấu hao

5 - 50 năm
3 - 15 năm
6 - 10 năm
3 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, quyền phát hành, giấy phép bản quyền, bằng sáng chế và chương trình phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn dài hạn**

Chi phí trả trước: Phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán thuộc một hay nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nên chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ phát sinh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí kinh doanh của từng kỳ hạch toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết phát sinh tăng, giảm, chi phí chưa phân bổ của từng khoản mục.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán, phải trả khác. Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải trả, theo nguyên tệ, và theo kỳ hạn. Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản công nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch thương xuyên. Công ty không đánh giá lại đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán là ngoại tệ.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ như: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá vào giá trị tài sản theo quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả bao gồm: phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả về tiền lương nghỉ phép; tiền lãi vay trong trường hợp vay trả lãi sau; chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất và các khoản chi phí trích trước để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí phải trả được quyết toán theo số thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập bằng cách ghi giảm chi phí tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Đối với chi phí trích trước để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hóa bất động sản, Công ty chỉ thực hiện trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Giá trị trích trước được tính cho phần hàng hóa bất động sản đã hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu tương ứng với diện tích đã bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán số 18-Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: (1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (4) Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; (5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau: (1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; (4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tiền lãi của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: (1) Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; (2) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty trong kỳ. Thu nhập khác gồm: Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý, chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hóa, tài sản cố định đem đi góp vốn,... và các khoản thu nhập khác.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo. Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm: giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn được ghi nhận trên nguyên tắc thận trọng và phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, được tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có). Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và lỗ từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính.

Chi phí lãi tiền vay được ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Lỗi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗi khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Nội dung	31/3/2017	01/4/2016
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	156.723.627	258.808.538
Tiền gửi ngân hàng	101.003.183	227.683.885
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>101.003.183</i>	<i>227.683.885</i>
Ngân hàng NN và Phát triển NT Việt Nam-CN Thăng Long	86.344.053	31.218.722
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-CN Hà Thành	14.659.130	196.465.163
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	1.575.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam-CN Hà Thành	-	275.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Sở Giao dịch	700.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng NN và Phát triển NT Việt Nam-CN Thăng Long	-	-
Ngân hàng TMCP Kiên Long	800.000.000	-
Tổng cộng	1.757.726.810	2.061.492.423

(*) Nhằm mục đích nâng cao lợi nhuận từ hoạt động tài chính, Công ty thực hiện gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng nói trên theo hình thức ủy quyền cho cá nhân là Bà **Nguyễn Thị Hoa** và Bà **Nguyễn Thị Hương Bưởi** (cán bộ công nhân viên của Công ty) đứng tên sổ tiết kiệm.

02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Nội dung	31/3/2017	01/4/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ Phần Dệt May Nam Định	1.661.490.000	3.558.930.340
Ông Nguyễn Mạnh Hưng	511.500.000	-
Tổng cộng	2.172.990.000	3.558.930.340

03. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Nội dung	31/3/2017	01/4/2016
	VND	VND
Ông Nguyễn Khắc Hùng	1.600.000.000	-
Tổng cộng	1.600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***04. Phải thu ngắn hạn khác**

Nội dung	31/3/2017		01/4/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác	389.358.063	-	389.482.000	-
- Nguyễn Cao Kinh		-	140.000.000	-
- Nguyễn Ngọc Dương	103.000.000	-	5.000.000	-
- Phạm Ngọc Hùng	2.782.000	-	17.782.000	-
- Phạm Văn Phú	105.000.000	-	119.700.000	-
- Phạm Đình Ôn	103.116.400	-	99.000.000	-
- Vũ Văn Bộ	75.300.000	-	8.000.000	-
- Phải thu bảo hiểm nộp thừa	159.663	-	-	-
Tạm ứng	225.000.000	-	-	-
- Phạm Mạnh Khiêm	125.000.000	-	-	-
- Đặng Văn Dương	100.000.000	-	-	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	614.358.063	-	389.482.000	-

05. Hàng tồn kho

Nội dung	31/3/2017		01/4/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.988.000	-	-	-
Thành phẩm	-	-	732.738.482	-
Tổng cộng	8.988.000	-	732.738.482	-

06. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	01/4/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/3/2017
	VND	VND	VND	VND
Chi phí CCDC	4.874.273	36.663.637	19.181.015	22.356.895
Tổng cộng	4.874.273	36.663.637	19.181.015	22.356.895

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC
Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

07. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<u>Nguyên giá</u>										
Tại 01/4/2016	1.433.468.804	636.650.568			1.294.840.910		35.909.091		3.400.869.373	
Số tăng trong kỳ	381.818.182	-			-		-		381.818.182	
Tăng khác	381.818.182	-			-		-		381.818.182	
<u>Số giảm trong kỳ</u>										
Chuyển sang BĐSĐT	-	-			1.240.390.910		-		1.240.390.910	
Thanh lý, nhượng bán	-	-			-		-		-	
Tại 31/3/2017	-	-			1.240.390.910		-		1.240.390.910	
<u>Giá trị hao mòn</u>										
Tại 01/4/2016	1.021.755.220	565.102.306			829.694.334		12.967.175		2.429.519.035	
Số tăng trong kỳ	75.807.757	37.784.940			198.117.998		11.969.700		323.680.395	
Khấu hao trong năm	75.807.757	37.784.940			198.117.998		11.969.700		323.680.395	
Tăng khác	-	-			-		-		-	
<u>Số giảm trong kỳ</u>										
Chuyển sang BĐSĐT	-	-			973.362.332		-		973.362.332	
Thanh lý, nhượng bán	-	-			-		-		-	
Giảm khác	-	-			973.362.332		-		973.362.332	
Tại 31/3/2017	-	-			-		-		-	
<u>Giá trị còn lại</u>										
Tại 01/4/2016	411.713.584	71.548.262			465.146.576		22.941.916		971.350.338	
Tại 31/3/2017	717.724.009	33.763.322			-		10.972.216		762.459.547	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

08. Phải trả người bán

Nội dung	31/3/2017		01/4/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ Vận tải Đông Dương	15.972.000	15.972.000	15.972.000	-
Công ty CP Dệt Nha Trang	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Tổng cộng	45.972.000	45.972.000	45.972.000	30.000.000

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	01/4/2016		Trong năm		31/3/2017	
	Giá trị VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Thuế GTGT phải nộp	-	265.209.736	29.193.010	236.016.726	-	-
Thuế TTĐB	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	103.420.303	9.138.723	103.436.106	9.122.920	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.685.000	41.643.650	44.318.400	1.010.250	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	694.755.111	694.755.111	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.000.000	2.000.000	-	-	-
Tổng cộng (*)	107.105.303	306.853.386	73.511.410	246.149.896	-	-

(*) Số liệu quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể khác nhau theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Nội dung	01/4/2016		Trong năm		31/3/2017	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
Vay ngắn hạn	-	-	1.900.000.000	1.000.000.000	-	-
Nguyễn Thị Hoa	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Phạm Mạnh Khiêm	-	-	900.000.000	900.000.000	-	-
Tổng cộng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

Thông tin về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn:

Là các khoản vay vốn ngắn hạn tạm thời với lãi suất 8%/năm

11. Phải trả ngắn hạn khác

Nội dung	31/3/2017		01/4/2016	
	VNĐ		VNĐ	
Phải trả Bảo hiểm xã hội quận Hai Bà Trưng	-	-	-	2.522.442
Phải trả cổ tức 2013, 2014	-	-	-	4.180.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	500.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Hà Nội - Sông Hồng	200.000.000	200.000.000	200.000.000	500.000.000
Tổng cộng	200.000.000	200.000.000	200.000.000	506.702.442

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮC

Số 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/3/2017

MẪU B09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Vốn chủ sở hữu**12a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/4/2015	4.500.000.000	-	529.618.720	2.213.521.052	7.243.139.772
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	624.258.482	624.258.482
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(810.000.000)	(810.000.000)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(2.200.000)	(2.200.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/3/2016	4.500.000.000	-	529.618.720	2.025.579.534	7.055.198.254
Số dư tại 01/4/2016	4.500.000.000	-	529.618.720	2.025.579.534	7.055.198.254
Tăng vốn trong năm	-	(200.000.000)	-	-	(200.000.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	35.154.890	35.154.890
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	200.000.000	-	-	200.000.000
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(675.000.000)	(675.000.000)
Số dư tại 31/3/2017	4.500.000.000	-	529.618.720	1.385.734.424	6.415.353.144

Trong năm 2016, Công ty thực hiện chia cổ tức của năm 2015 theo tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG MIỀN BẮCSố 6, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết
thúc ngày 31/3/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****MẪU B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông góp vốn	31/3/2017		01/4/2016	
	<i>Vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>%</i>
Nguyễn Đình Chiến	1.029.000.000	23%	1.029.000.000	23%
Nguyễn Thị Hoa	68.700.000	2%	-	0%
Phan Quốc Hiền	349.700.000	8%	319.000.000	7%
Đào Thị Thảo	184.000.000	4%	184.000.000	4%
Trần Thị Hà	510.360.000	11%	481.000.000	11%
Phạm Mạnh Khiêm	477.400.000	11%	450.000.000	10%
Nguyễn Khắc Hùng	358.580.000	8%	331.000.000	7%
Nguyễn Xuân Kiêm	153.000.000	3%	153.000.000	3%
Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	500.000.000	11%	500.000.000	11%
Công ty CP Giống Cây trồng Nha Hố	-	0%	200.000.000	4%
Các cổ đông khác	869.260.000	19%	853.000.000	19%
Tổng cộng	4.500.000.000	100%	4.500.000.000	100%

12c. Giao dịch về vốn chủ sở hữu, cổ tức lợi nhuận đã chia

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	4.500.000.000	4.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	200.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	200.000.000	-
Vốn góp cuối năm	4.500.000.000	4.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia của năm trước	675.000.000	810.000.000

12d. Cổ phiếu

Nội dung	31/3/2017	01/4/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	450.000	450.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	450.000	450.000
Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	450.000	450.000
Cổ phiếu phổ thông	450.000	450.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ICP):</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12e. Các quỹ của doanh nghiệp

Nội dung	31/3/2017	01/4/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	529.618.720	529.618.720
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán đệm	6.648.890.909	52.604.294.930
Doanh thu bán Bông xơ	6.418.323.900	8.362.494.940
Doanh thu hạt bông	1.337.704.400	1.016.700.000
Doanh thu hạt giống	30.912.000	28.581.000
Doanh thu dịch vụ	769.327.273	304.200.000
Tổng cộng	15.205.158.482	62.316.270.870

02. Giá vốn hàng bán

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn đệm	6.328.795.080	50.116.858.445
Giá vốn bông xơ	5.675.365.917	8.717.440.243
Giá vốn hạt bông	1.308.529.035	611.400.000
Giá vốn hạt giống	30.912.000	27.219.142
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	55.949	16.834
Tổng cộng	13.343.657.981	59.472.934.664

03. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	101.279.772	150.496.312
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.504.837	7.529.267
Lãi cho vay cá nhân	24.584.000	3.420.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng cộng	130.368.609	161.446.079

04. Chi phí hoạt động tài chính

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.135.400	166.667
Tổng cộng	29.135.400	166.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

MẪU B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

05. Chi phí khác

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thuế	1.400.000	12.049.865
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	267.028.578	-
Tổng cộng	268.428.578	12.049.865

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.134.941.519	2.139.462.600
Chi phí nhân viên	916.540.141	1.119.459.080
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	83.515.658	66.544.271
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	32.057.013	63.609.853
Chi phí khấu hao TSCĐ	210.087.698	218.701.524
Thuế, phí và lệ phí	696.755.111	463.427.602
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.294.153	100.599.109
Chi phí bằng tiền khác	27.691.745	107.121.161
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	34.450.000	31.800.000
Các khoản ghi giảm khác	34.450.000	31.800.000
Tổng cộng	2.100.491.519	2.107.662.600

07. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.762.447.121	48.528.099.694
Chi phí nhân công	1.587.131.141	3.348.417.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.680.395	314.785.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.007.836.544	1.417.831.153
Chi phí khác bằng tiền	735.258.484	552.248.763
Tổng cộng	14.681.095.201	53.609.134.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Nội dung	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.293.613	807.678.785
Các khoản điều chỉnh:		
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>1.400.000</i>	<i>26.049.865</i>
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.400.000	26.049.865
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	45.693.613	833.728.650
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.138.723	183.420.303

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Lợi nhuận kế toán sau Thuế TNDN	35.154.890	624.258.482
- Các khoản điều chỉnh	-	-
- Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	35.154.890	624.258.482
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	450.000	450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	78	1.387

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

02. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến thời điểm lập Báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2017.

03. Các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan

Các bên có liên quan của Công ty là các Đơn vị và cá nhân sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**MẪU B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Bên liên quan	Mối quan hệ
<i>Bên liên quan là tổ chức</i>	
Ông Phạm Mạnh Khiêm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đình Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Cổ đông góp vốn, là Vợ Ông Nguyễn Đình Chiến-Tổng GD
Ông Nguyễn Mạnh Hưng	Cổ đông góp vốn, là Con trai Ông Nguyễn Đình Chiến-Tổng GD
Bà Nguyễn Thị Hoa	Cổ đông góp vốn, là Con gái Ông Nguyễn Đình Chiến-Tổng GD

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Năm 2016
	VND
Ông Nguyễn Đình Chiến	239.540.000
Bà Trần Thị Hà	153.268.000
Ông Phan Quốc Hiền	184.299.000
Ông Phạm Mạnh Khiêm	91.220.000
Ông Nguyễn Khắc Hùng	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	6.555.000
Ông Nguyễn Mạnh Hưng	7.267.500
Bà Nguyễn Thị Hoa	107.836.000

Trong năm 2016, Công ty có thực hiện gửi tiền vào ngân hàng theo hình thức sổ tiết kiệm cá nhân dưới tên bà Nguyễn Thị Hoa. Tại ngày 31/3/2017, Bà Nguyễn Thị Hoa đang đứng tên một khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với số tiền 700.000.000VND.

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên có liên quan (nếu có) đã được trình bày ở các thuyết minh chi tiết trong phần V-Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

04. Báo cáo bộ phận

Doanh thu chi phí của Công ty chỉ phát sinh duy nhất tại trụ sở chính tại Hà Nội và chủ yếu về lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm về bông. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

06. Công cụ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mẫu B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Các loại công cụ tài chính**

Nội dung	Giá trị ghi sổ			
	31/3/2017		01/4/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.757.726.810	-	2.061.492.423	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.787.348.063	-	3.948.412.340	-
Cộng	4.545.074.873	-	6.009.904.763	-

Nội dung	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2017	01/4/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	245.972.000	536.702.442
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	245.972.000	536.702.442

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản chính và nợ phải trả tài chính ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này. Hiện công ty chưa có các khoản đầu tư công cụ vốn. Theo đó, không phát sinh rủi ro này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ các tài sản chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Nội dung	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Tại ngày 31/3/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.757.726.810	-	-	1.757.726.810
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.787.348.063	-	-	2.787.348.063
Cộng	4.545.074.873	-	-	4.545.074.873
Tại ngày 01/4/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.061.492.423	-	-	2.061.492.423
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.948.412.340	-	-	3.948.412.340
Cộng	6.009.904.763	-	-	6.009.904.763
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH				
Tại ngày 31/3/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	245.972.000	-	-	245.972.000
Cộng	245.972.000	-	-	245.972.000
Tại ngày 01/4/2016				
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	536.702.442	-	-	536.702.442
Cộng	536.702.442	-	-	536.702.442

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

07. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1 Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,70	87,38
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	10,98	12,56
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,30	12,62
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7,60	8,78
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	92,40	91,22
2 Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	11,67	9,95
2.2 Khả năng thanh toán tiền mặt	Lần	3,33	3,04
		Năm nay	Năm trước
3 Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	%	0,29	1,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	0,23	1,00
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	0,64	10,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	0,51	8,07
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,55	8,85

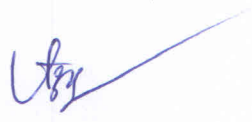


Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Chiến

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017



Kế toán trưởng
Trần Thị Hà



Người lập biểu
Trần Thị Hà